TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/**2025/DS-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Bà Trần Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXXST-DS ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Trịnh Hồng T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Bà có tham gia góp dây hụi 1.000.000 đồng áp ngày 30/4/2022 âm lịch do bà Trịnh Hồng T làm chủ, hụi mở hàng tháng vào ngày 30, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 500.000 đồng), hụi có 25 phần, bà tham gia 02 phần, góp hụi sống được mỗi phần 22 lần thì bà T tuyên bố úp hụi, dây hụi này tính theo

hụi có lãi thì bà được nhận số tiền (22 lần x 1.000.000 đồng/phần) x 02 phần = 44. 000.000 đồng.

Ngoài ra trước đó bà T còn nợ bà 10.000.000 đồng tiền hụi nên hai bên cấn trừ tiền hoa hồng thì bà T còn nợ lại bà 50.000.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nên bà T có viết biên nhận nhận nợ ngày 30/3/2024. Tuy nhiên, sau đó bà T chỉ trả được 3.000.000 đồng thì không trả nữa.

Vì vậy, nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Hồng T phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 47.000.000 đồng.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Võ Thị V vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên. Bà Trịnh Hồng T có chồng tên Nguyễn Văn N, nhưng do việc tham gia góp hụi chỉ có bà với bà T tham gia với nhau, ông N không liên quan nên bà không khởi kiện đối với ông N.

- Bị đơn bà Trịnh Hồng T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn bà Trịnh Hồng T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể là tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị V, buộc bị đơn bà Trịnh Hồng T phải trả cho nguyên đơn bà V số tiền hụi còn thiếu là 47.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Trịnh Hồng T, nhưng bị đơn bà

Trịnh Hồng T vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn bà Trịnh Hồng T. Tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh Hồng T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Trịnh Hồng T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị V khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Trịnh Hồng T phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu và bị đơn bbà Trịnh Hồng T không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*, đồng thời bị đơn bà Trịnh Hồng T có nơi cư trú tại ấp C, xã V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Võ Thị V và bị đơn bà Trịnh Hồng T có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau, cụ thể: Dây hụi 1.000.000 đồng áp ngày 30/4/2022 âm lịch do bà Trịnh Hồng T làm chủ, hụi có 25 phần, bà V tham gia 02 phần, góp hụi sống được mỗi phần 22 lần với số tiền tính theo hụi có lãi là 44.000.000 đồng thì bà T tuyên bố úp hụi. Đồng thời, bị đơn bà T có nợ tiền hụi trước đó của nguyên đơn bà V số tiền 10.000.000 đồng nên tổng cộng số tiền hụi bà T nợ bà V là 54.000.000 đồng và hai bên thảo thuận trừ cấn thì bà T nợ lại bà V 50.000.000 đồng (biên nhận nhận nợ ngày 30/3/2024 tại bút lục số 09).

Theo nguyên đơn bà V, kể từ khi viết biên nhận nhận nợ thì bà T có trả cho bà được 3.000.000 đồng nên còn nợ lại 47.000.000 đồng.

Do đó, nay bị đơn bà Trịnh Hồng T có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị V số tiền hụi còn thiếu là 47.000.000 đồng. Vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Trịnh Hồng T phải chịu 2.350.000 đồng (47.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Trịnh Hồng T phải phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị V **47.000.000đ** (Bốn mươi bảy triệu đồng) tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị V, nếu bà Trịnh Hồng T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà V thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi cho bà V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Trịnh Hồng T phải chịu **2.350.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Võ Thị V không nhận lại tiền tạm ứng án phí, do khi nộp đơn khởi kiện bà Võ Thị V thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

của Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh